

Tờ khai khấu trừ cơ bản dành cho người có thu nhập từ tiền lương kiêm Tờ khai khấu trừ cho vợ/chồng dành cho người có thu nhập chịu thuế từ tiền lương, kiêm Tờ khai khấu trừ điều chỉnh mức thu nhập Năm 2023

Trường Cơ quan quản lý thuế	Họ tên người chi trả tiền lương (họ tên)		(Cách đọc bằng tiếng Nhật)	
	Mã số pháp nhân của người chi trả tiền lương	*Người chi trả tiền lương (không bao gồm cá nhân) khi nhân được tờ khai này hãy điền vào đây.	Họ tên của bạn	
Trường Cơ quan thuế	Địa điểm (địa chỉ) của người chi trả lương		Địa chỉ hoặc nơi cư trú của bạn	

基・配・所

～ Lưu ý khi điền ～

- ◎ Điền “Tờ khai khấu trừ cơ bản” và “Tờ khai khấu trừ cho vợ/chồng” theo các trường hợp sau đây.
- Nếu tổng tiền thu nhập chịu thuế ước tính trong năm nay của bạn từ 10.000.000 yên trở xuống và tổng tiền thu nhập chịu thuế ước tính của vợ/chồng bạn trong năm nay từ 1.330.000 yên trở xuống, hãy điền “Tờ khai khấu trừ cơ bản” trước rồi đến “Tờ khai khấu trừ cho vợ/chồng”.
 - Nếu bạn không thuộc trường hợp 1. nêu trên và có tổng tiền thu nhập chịu thuế ước tính trong năm nay từ 25.000.000 yên trở xuống thì chỉ điền “Tờ khai khấu trừ cơ bản” (không cần điền “Tờ khai khấu trừ cho vợ/chồng”).
- ◎ Nếu bạn muốn được áp dụng khấu trừ điều chỉnh tiền thu nhập chịu thuế vào cuối năm, hãy điền “Tờ khai khấu trừ điều chỉnh mức thu nhập”. Ngoài ra, nếu số tiền thu nhập theo tiền lương thuộc đối tượng điều chỉnh cuối năm trong năm nay của bạn từ 8.500.000 yên trở xuống hoặc nếu không đáp ứng được bất kỳ mục nào trong cột “Điều kiện” của “Tờ khai khấu trừ điều chỉnh mức thu nhập”, bạn sẽ không đủ điều kiện để được áp dụng khấu trừ điều chỉnh tiền thu nhập chịu thuế.

◆ Tờ khai khấu trừ cơ bản dành cho người có thu nhập từ tiền lương ◆

○ Tính tổng tiền thu nhập chịu thuế ước tính trong năm nay của bạn

Loại thu nhập chịu thuế	Số tiền thu nhập	Số tiền thu nhập chịu thuế
(1) Thu nhập chịu thuế từ tiền lương	yên	(Tham khảo mục “4 (1)” ở mặt sau) yên
(2) Tổng tiền thu nhập ngoài thu nhập chịu thuế từ tiền lương	yên	(Tham khảo mục “4 (2)” ở mặt sau) yên
Tổng tiền thu nhập chịu thuế ước tính trong năm nay của bạn (Tổng số tiền của (1) và (2))		yên

○ Tính toán số tiền khấu trừ

Đánh giá	☐ Từ 9.000.000 yên trở xuống (A)	480.000 yên	Phân loại I
	☐ Hơn 9.000.000 yên Từ 9.500.000 yên trở xuống (B)		
	☐ Hơn 9.500.000 yên Từ 10.000.000 yên trở xuống (C)		
	☐ Hơn 10.000.000 yên Từ 24.000.000 yên trở xuống		
	☐ Hơn 24.000.000 yên Từ 24.500.000 yên trở xuống		
☐ Hơn 24.500.000 yên Từ 25.000.000 yên trở xuống	320.000 yên	Số tiền khấu trừ cơ bản yên	
	160.000 yên		

* Tham khảo bảng “Tính toán số tiền khấu trừ” ở bên trái để biết cách điền.

◆ Tờ khai khấu trừ cho vợ/chồng dành cho người có thu nhập chịu thuế từ tiền lương ◆

- ☐ Về cột “Phân loại I” trong bảng “Tính toán số tiền khấu trừ”, tham khảo cột “Phân loại I” của “Tờ khai khấu trừ cơ bản”.
- ☐ Nếu cột “Phân loại I” của “Tờ khai khấu trừ cơ bản” không tương ứng với mục (A)–(C) và cột “Phân loại II” của “Tờ khai khấu trừ cho vợ/chồng” không tương ứng với mục ①–④, bạn sẽ không được áp dụng khấu trừ vợ/chồng và khấu trừ đặc biệt cho vợ/chồng.

(Cách đọc bằng tiếng Nhật) Họ tên vợ/chồng	Mã số cá nhân của vợ/chồng	Ngày tháng năm sinh của vợ/chồng	
	Địa chỉ hoặc nơi cư trú của vợ/chồng trong trường hợp địa chỉ hoặc nơi cư trú của bạn và vợ/chồng khác nhau	Vợ/chồng là người không cư trú	Tình trạng thực tế cùng sinh sống

○ Tính tổng tiền thu nhập chịu thuế ước tính trong năm nay của vợ/chồng

Loại thu nhập chịu thuế	Số tiền thu nhập	Số tiền thu nhập chịu thuế
(1) Thu nhập chịu thuế từ tiền lương	yên	(Tham khảo mục “4 (1)” ở mặt sau) yên
(2) Tổng tiền thu nhập ngoài thu nhập chịu thuế từ tiền lương	yên	(Tham khảo mục “4 (2)” ở mặt sau) yên
Tổng tiền thu nhập chịu thuế ước tính trong năm nay của vợ/chồng (Tổng số tiền của (1) và (2))		* yên

Đánh giá

☐ Từ 480.000 yên trở xuống và từ 70 tuổi trở lên (sinh từ ngày 1/1/1954 trở về trước)
<< Áp dụng cho vợ/chồng thuộc đối tượng khấu trừ là người cao tuổi >> (①)

☐ Từ 480.000 yên trở xuống và dưới 70 tuổi (②)

☐ Hơn 480.000 yên và từ 950.000 yên trở xuống (③)

☐ Hơn 950.000 yên và từ 1.330.000 yên trở xuống (④)

Phân loại II (Điền ① – ④ ở trên)

○ Tính toán số tiền khấu trừ

Phân loại II (“Tổng tiền thu nhập chịu thuế ước tính trong năm nay của vợ/chồng (Tổng số tiền của (1) và (2))” nêu trên (số tiền có dấu *))												
	①	②	③	④								
Phân loại I	A	480.000 yên	380.000 yên	380.000 yên	Hơn 950.000 yên và từ 1.000.000 yên trở xuống	Hơn 1.000.000 yên và từ 1.050.000 yên trở xuống	Hơn 1.050.000 yên và từ 1.100.000 yên trở xuống	Hơn 1.100.000 yên và từ 1.150.000 yên trở xuống	Hơn 1.150.000 yên và từ 1.200.000 yên trở xuống	Hơn 1.200.000 yên và từ 1.250.000 yên trở xuống	Hơn 1.250.000 yên và từ 1.300.000 yên trở xuống	Hơn 1.300.000 yên và từ 1.330.000 yên trở xuống
	B	320.000 yên	260.000 yên	260.000 yên	240.000 yên	210.000 yên	180.000 yên	140.000 yên	110.000 yên	80.000 yên	40.000 yên	20.000 yên
	C	160.000 yên	130.000 yên	130.000 yên	120.000 yên	110.000 yên	90.000 yên	70.000 yên	60.000 yên	40.000 yên	20.000 yên	10.000 yên
Tóm tắt		Khấu trừ đặc biệt cho vợ/chồng										

Số tiền khấu trừ cho vợ/chồng
yên

Số tiền khấu trừ đặc biệt cho vợ/chồng
yên

* Tham khảo bảng “Tính toán số tiền khấu trừ” ở bên trái để biết cách điền.

◆ Tờ khai khấu trừ điều chỉnh mức thu nhập ◆

Không cần điền nếu số tiền thu nhập theo tiền lương thuộc đối tượng điều chỉnh cuối năm trong năm nay của bạn là từ 8.500.000 yên trở xuống.

- ☐ Nếu bạn muốn được áp dụng khấu trừ điều chỉnh tiền thu nhập chịu thuế vào cuối năm, hãy đánh dấu những mục tương ứng trong cột “Điều kiện” và điền thông tin về người có liên quan vào các mục tương ứng trong cột “* Người khuyết tật đặc biệt” và cột “* Người thân phụ thuộc”. (Nếu có nhiều người phù hợp với điều kiện, bạn có thể điền 1 trong số những người đó.) Ngoài ra, nếu tương ứng với từ 2 mục trở lên trong cột “Điều kiện”, bạn có thể đánh dấu và điền vào bất kỳ 1 điều kiện nào trong số đó.
- ☐ Số tiền khấu trừ điều chỉnh tiền thu nhập chịu thuế khi điều chỉnh cuối năm sẽ được tính bởi người chi trả tiền lương, nên tờ khai này không có cột điền số tiền khấu trừ điều chỉnh tiền thu nhập chịu thuế

Điều kiện	☐ Bạn là người khuyết tật đặc biệt (Chỉ điền cột ★ bên phải)	★ Người thân phụ thuộc (Cách đọc bằng tiếng Nhật) Họ tên của vợ/chồng cùng sinh sống hoặc người thân phụ thuộc	Mã số cá nhân của người bên trái	Ngày tháng năm sinh của người bên trái	
	☐ Vợ/chồng cùng sinh sống (Chú ý) là người khuyết tật đặc biệt (Điền cột ★ và cột ★ bên phải)				
	☐ Người thân phụ thuộc là người khuyết tật đặc biệt (Điền cột ★ và cột ★ bên phải)				
	☐ Người thân phụ thuộc dưới 23 tuổi (sinh từ ngày 2/1/2001 trở về sau) (Chỉ điền cột ★ bên phải)				
		Địa chỉ hoặc nơi cư trú của người bên trái trong trường hợp địa chỉ hoặc nơi cư trú của bạn và người bên trái khác nhau	Quan hệ của bạn với người bên trái	Tổng tiền thu nhập chịu thuế (Số tiền ước tính) của người bên trái	★ Người khuyết tật đặc biệt Thông tin tình hình thực tế tương ứng với người khuyết tật đặc biệt (Tham khảo mục “3-2 (4)” ở mặt sau) ☐ Theo tờ khai giảm trừ gia cảnh
				yên	

(Chú ý) “Vợ/chồng cùng sinh sống” là vợ/chồng (không bao gồm những người được chi trả tiền lương là người lao động trong lĩnh vực kinh doanh màu xanh và người lao động trong lĩnh vực kinh doanh màu trắng) cùng sinh sống với bạn và là người có tổng tiền thu nhập chịu thuế ước tính trong năm nay là từ 480.000 yên trở xuống (trường hợp chỉ có thu nhập chịu thuế từ tiền lương thì số tiền thu nhập của tiền lương là từ 1.030.000 yên trở xuống).

◎ Khi điền tờ khai, hãy đọc giải thích ở mặt sau.

(ベトナム語版)

◆TỜ khai khấu trừ cơ bản dành cho người có thu nhập từ tiền lương◆

1-1. **Lưu ý khi điền thông tin tờ khai**

(1) Trường hợp muốn được áp dụng điều chỉnh khấu trừ cơ bản vào cuối năm thì phải nộp tờ khai này cho bên chi trả lương trước ngày nhận lương cuối cùng của năm 2023 (nếu nhận lương từ 2 nơi trở lên, thì nộp cho bên trả lương chính (bên trả lương đã nộp “Tờ khai giảm trừ gia cảnh”)).

(2) Nếu tổng tiền thu nhập chịu thuế ước tính trong năm nay của bạn vượt quá 25.000.000 yên, bạn sẽ không đủ điều kiện được áp dụng khấu trừ cơ bản. (Chú ý) Nếu số tiền thu nhập theo tiền lương thuộc đối tượng điều chỉnh cuối năm của bạn vượt quá 20.000.000 yên, bạn sẽ không được điều chỉnh cuối năm.

1-2. **Lưu ý khi điền**

(1) Tham khảo phần “4. Lưu ý khi điền tổng tiền thu nhập chịu thuế” để biết cách điền từng cột trong bảng “Tính tổng tiền thu nhập chịu thuế ước tính trong năm nay của bạn”.

(2) Căn cứ trên tổng tiền thu nhập chịu thuế được tính toán theo cột “Tổng tiền thu nhập chịu thuế ước tính trong năm nay của bạn (Tổng số tiền của (1) và (2))”, đánh dấu vào cột “Đánh giá”, rồi điền số tiền khấu trừ tương ứng (480.000 yên, 320.000 yên hoặc 160.000 yên) vào cột “Số tiền khấu trừ cơ bản”. Ngoài ra, nếu mục được đánh dấu trong cột “Đánh giá” tương ứng với (A)–(C), điền phần phân loại tương ứng (A–C) vào cột “Phân loại I” (Nếu không cần điền “Tờ khai khấu trừ cho vợ/chồng”, bỏ trống cột “Phân loại I”).

◆TỜ khai khấu trừ cho vợ/chồng dành cho người có thu nhập chịu thuế từ tiền lương◆

2-1. **Lưu ý khi điền thông tin tờ khai**

(1) Trường hợp muốn được áp dụng điều chỉnh khấu trừ cho vợ/chồng hoặc khấu trừ đặc biệt cho vợ/chồng vào cuối năm thì phải nộp tờ khai này cho bên chi trả lương trước ngày nhận lương cuối cùng của năm 2023 (nếu nhận lương từ 2 nơi trở lên, thì nộp cho bên trả lương chính (bên trả lương đã nộp “Tờ khai giảm trừ gia cảnh”)).

(2) Nếu tổng tiền thu nhập chịu thuế ước tính trong năm nay của bạn vượt quá 10.000.000 yên hoặc tổng tiền thu nhập chịu thuế ước tính trong năm nay của vợ/chồng trong năm nay vượt quá 1.330.000 yên (trường hợp chỉ có thu nhập chịu thuế từ tiền lương thì số tiền thu nhập theo tiền lương là 2.015.999 yên), bạn sẽ không đủ điều kiện để được áp dụng khấu trừ cho vợ/chồng hoặc khấu trừ đặc biệt cho vợ/chồng. (Chú ý) Nếu số tiền thu nhập theo tiền lương thuộc đối tượng điều chỉnh cuối năm của bạn vượt quá 20.000.000 yên, bạn sẽ không được điều chỉnh cuối năm.

(3) Nếu vợ/chồng bạn là người thân phụ thuộc của một người có thu nhập chịu thuế khác ngoài bạn, hoặc nếu vợ/chồng bạn là người lao động trong lĩnh vực kinh doanh màu xanh hoặc là người lao động trong lĩnh vực kinh doanh màu trắng thì bạn sẽ không được áp dụng khấu trừ cho vợ/chồng hoặc khấu trừ đặc biệt cho vợ/chồng.

(4) Vợ/chồng không thể cùng lúc đăng ký khấu trừ đặc biệt cho vợ/chồng lẫn nhau.

(5) Trường hợp muốn đăng ký khấu trừ cho vợ/chồng hoặc khấu trừ đặc biệt cho vợ/chồng là người không cư trú^(chú ý 1), thì đánh dấu ○ vào cột “Vợ/chồng là người không cư trú”, điền tổng số tiền đã chuyển, v.v... cho vợ/chồng trong năm đó vào cột “Tình trạng thực tế cùng chung sống”, đồng thời đính kèm “Giấy chứng minh quan hệ thân nhân”^(chú ý 2) và “Giấy chứng nhận gửi tiền”^(chú ý 3) vào tờ khai này (trường hợp đã nộp “Tờ khai giảm trừ gia cảnh” cho bên chi trả lương có đính kèm “Giấy chứng minh quan hệ thân nhân” về vợ/chồng nói trên thì trong tờ khai này không cần đính kèm “Giấy chứng minh quan hệ thân nhân” nữa.). Thêm vào đó, trường hợp “Giấy chứng minh quan hệ thân nhân” hoặc “Giấy chứng nhận gửi tiền” được lập bằng tiếng nước ngoài thì cũng cần phải dịch ra và gửi kèm. (Chú ý) 1. “Người không cư trú” là cá nhân không có địa chỉ tại Nhật Bản và đã không sinh sống liên tiếp tại Nhật Bản từ một năm trở lên.

2. “Giấy chứng minh quan hệ thân nhân” là một trong 2 loại tài liệu sau: ① hoặc ②dưới đây, chứng minh rằng người không cư trú đó là vợ/chồng của bạn.

① Bản sao của sổ hộ khẩu, tài liệu d o quốc gia hoặc chính quyền địa phương khác cấp và bản sao hộ chiếu của vợ/chồng

② Tài liệu d o chính phủ nước ngoài hoặc chính quyền địa phương nước ngoài cấp (trên tài liệu này phải có ghi rõ họ tên, ngày tháng năm sinh và địa chỉ hoặc nơi cư trú của vợ/chồng)

3. “Giấy chứng nhận gửi tiền” là các giấy tờ dưới đây, thể hiện rõ rằng bạn đã thanh toán đầy đủ chi phí sinh hoạt hoặc chi phí giáo dục cho vợ/chồng là người không cư trú khi cần thiết.

① Tài liệu của cơ quan tài chính hoặc bản sao, thể hiện rõ rằng bạn đã chi trả cho người thân đó thông qua các giao dịch ngoại hối được thực hiện tại các cơ quan tài chính đó.

② Tài liệu của công ty phát hành thẻ tín dụng hoặc bản sao, thể hiện rõ rằng người thân đó đã sử dụng thẻ tín dụng đó d o công ty phát hành thẻ tín dụng cấp v à mua sản phẩm, v.v... v à số tiền tương đương với giá mua sản phẩm đã được bạn thanh toán

2-2. **Lưu ý khi điền**

(1) Ở cột “Mã số cá nhân của vợ/chồng”, thông thường sẽ điền mã số của vợ/chồng bạn, tuy Số My Number (Mã số cá nhân), trong một số trường hợp nhất định sẽ không cần phải điền mục này. Vì thế, hãy xác Số My Number (Mã số cá nhân) với bên chi trả lương về mục này.

(2) Tham khảo phần “4. Lưu ý khi điền tổng tiền thu nhập chịu thuế” để biết cách điền từng cột trong bảng “Tính tổng tiền thu nhập chịu thuế ước tính trong năm nay của vợ/chồng”.

(3) Căn cứ trên tổng tiền thu nhập chịu thuế được tính toán theo cột “Tổng tiền thu nhập chịu thuế ước tính trong năm nay của vợ/chồng (Tổng số tiền của (1) và (2))”, đánh dấu vào cột “Đánh giá”, rồi điền số tiền tương ứng (① ~ ④) vào cột “Phân loại II”.

(4) Điền phần loại đã ghi ở cột “Phân loại I” (A–C) và “Tờ khai khấu trừ cơ bản” và cột “Phân loại II” (① ~ ④) của “Tờ khai khấu trừ cho vợ/chồng” và số tiền giảm trừ đã được tính toán bằng bảng “Tính toán số tiền khấu trừ” lần lượt vào các cột “Số tiền khấu trừ cho vợ/chồng” hoặc “Số tiền khấu trừ đặc biệt cho vợ/chồng”.

◆TỜ khai khấu trừ điều chỉnh mức thu nhập◆

3-1. **Lưu ý khi điền thông tin tờ khai**

(1) Trường hợp muốn được áp dụng khấu trừ điều chỉnh số tiền thu nhập chịu thuế vào cuối năm thì phải nộp tờ khai này cho bên chi trả lương trước ngày nhận lương cuối cùng của năm 2023 (nếu nhận lương từ 2 nơi trở lên, thì nộp cho bên trả lương chính (bên trả lương đã nộp “Tờ khai giảm trừ gia cảnh”)).

(2) Nếu số tiền thu nhập theo tiền lương thuộc đối tượng điều chỉnh cuối năm của bạn từ 8.500.000 yên trở xuống, bạn sẽ không đủ điều kiện để được áp dụng khấu trừ điều chỉnh số tiền thu nhập chịu thuế. (Chú ý) Nếu số tiền thu nhập theo tiền lương thuộc đối tượng điều chỉnh cuối năm của bạn vượt quá 20.000.000 yên, bạn sẽ không được điều chỉnh cuối năm.

(3) Khi áp dụng khấu trừ điều chỉnh số tiền thu nhập chịu thuế cho những người có thu nhập chịu thuế khác ngoài bạn, cho dù người đó là người khuyết tật đặc biệt (Chú ý 1) hoặc người dưới 23 tuổi (từ ngày sinh từ 2/1/2001 trở về sau) thuộc trường hợp a, b hoặc c sau đây, khi áp dụng khấu trừ điều chỉnh số tiền thu nhập chịu thuế của bạn, bạn có thể là người khuyết tật đặc biệt hoặc người dưới 23 tuổi thuộc trường hợp a, b hoặc c sau đây.

a. Bạn là người khuyết tật đặc biệt

b. Vợ/chồng cùng sinh sống^(chú ý 2) hoặc người thân phụ thuộc^(chú ý 3) là người khuyết tật đặc biệt

c. Người thân phụ thuộc dưới 23 tuổi

(Chú ý) 1. “Người khuyết tật đặc biệt” là người thuộc bất kỳ trường hợp nào dưới đây.

① Người thường xuyên mất năng lực nhận thức hiện tượng thực tế do rối loạn tâm thần

② Người được bác sĩ chuyên khoa sức khỏe thần kinh chẩn đoán là người khuyết tật nghiêm trọng về trí tuệ

③ Người có cấp khuyết tật là cấp 1 trong số những người được cấp số tay phúc lợi và sức khỏe dành cho người khuyết tật tâm thần

④ Người có mức độ khuyết tật là cấp 1 hoặc cấp 2 trong số những người được m ở t trong số tay người khuyết tật về thân thể là người c ó khuyết tật trên thân thể

⑤ Người c ó mức độ thương tật từ hạng mục bệnh đặc biệt trong bảng 2 của Điều 1 t oí hạng mục bệnh thuộc Điều 3 theo Luật trợ cấp đối với thương binh trong số những người được cấp số tay dành cho người thương tật do chiến tranh

⑥ Người được cấp chứng nhận của Bộ trưởng Bộ Y tế và Lao động theo Luật hỗ trợ những người sống sót sau vụ nổ bom nguyên tử

⑦ Người bệnh nằm liệt giường và cần chăm sóc đặc biệt

⑧ Người từ 6 5 tuổi trở lên c ó khuyết tật về tâm thần hoặc thân thể (sinh từ ngày 1 tháng 1 năm 1959 trở về trước), người được thi trường thành phố, trường đặc khu và trường phòng phúc lợi xác nhận là có mức độ khuyết tật tương ứng được liệt kê trong mục ① , ② hoặc ④

2. “Vợ/chồng cùng sinh sống” là vợ/chồng (không bao gồm những người được chi trả tiền lương là người lao động trong lĩnh vực kinh doanh màu xanh và người lao động trong lĩnh vực kinh doanh màu trắng) cùng sinh sống với bạn và là người có tổng tiền thu nhập chịu thuế ước tính trong năm nay là từ 480.000 yên trở xuống (trường hợp chỉ có thu nhập chịu thuế từ tiền lương thì số tiền thu nhập của tiền lương là từ 1.030.000 yên trở xuống).

3. “Người thân phụ thuộc” là thân nhân (không bao gồm những người được chi trả tiền lương là người lao động trong lĩnh vực kinh doanh màu xanh và người lao động trong lĩnh vực kinh doanh màu trắng) cùng sinh sống với bạn và là người có tổng tiền thu nhập chịu thuế ước tính trong năm nay là từ 480.000 yên trở xuống (trường hợp chỉ có thu nhập chịu thuế từ tiền lương thì số tiền thu nhập của tiền lương là từ 1.030.000 yên trở xuống).

Ngoài ra, người thân phụ thuộc cũng bao gồm con nuôi được ủy thác nuôi dưỡng theo quy định của Luật phúc lợi trẻ em và người già cần chăm sóc được ủy thác chăm sóc theo quy định của Luật phúc lợi người cao tuổi và là người cùng sinh sống với bạn và có tổng tiền thu nhập chịu thuế ước tính trong năm nay là từ 480.000 yên trở xuống.

(4) Số tiền khấu trừ điều chỉnh số tiền thu nhập chịu thuế khi điều chỉnh cuối năm sẽ được tính bởi người chi trả tiền lương chính (người chi trả tiền lương nhận được “Tờ khai giảm trừ gia cảnh”) (tối đa 150.000 yên)

3-2. **Lưu ý khi điền**

(1) Đánh dấu các mục tương ứng trong cột “Điều kiện” (nếu số mục tương ứng từ 2 trở lên, hãy đánh dấu vào 1 mục bất kỳ trong số đó).

(2) Trong cột “Mã số cá nhân của người bên trái” của cột “☆ Người thân phụ thuộc”, cần điền Số My Number (Mã số cá nhân) của người thân phụ thuộc dưới 23 tuổi hoặc người thân phụ thuộc hay vợ/chồng cùng sinh sống là người khuyết tật đặc biệt, tuy nhiên, trong một số điều kiện nhất định sẽ không cần phải điền Số My Number (Mã số cá nhân). Vì thế, hãy xác nhận với bên trả lương về mục này.

(3) Tham khảo phần “4. Lưu ý khi điền tổng tiền thu nhập chịu thuế” để biết cách điền cột “Tổng tiền thu nhập chịu thuế (Số tiền ước tính) của người bên trái” trong cột “☆ Người thân phụ thuộc”.

(4) Trong cột “Thông tin tình hình thực tế tương ứng với người khuyết tật đặc biệt” của cột “★ Người khuyết tật đặc biệt”, hãy điền thông tin tình hình thực tế tương ứng với người khuyết tật đặc biệt như tình trạng khuyết tật hoặc loại số và ngày tháng năm đã được cấp số của tay được cấp, v.v..., mức độ khuyết tật (cấp khuyết tật, v.v...) (Nếu người tương ứng với người khuyết tật đặc biệt là người khuyết tật đặc biệt được ghi trong “Tờ khai giảm trừ gia cảnh”, bạn có thể đánh dấu vào ô “Theo tờ khai giảm trừ gia cảnh” thay vì phải ghi các thông tin tình hình thực tế tương ứng với người khuyết tật đặc biệt).

◆Về tổng tiền thu nhập chịu thuế của mỗi tờ khai◆

4. **Lưu ý khi điền tổng tiền thu nhập chịu thuế**

Lưu ý những điểm sau khi điền từng cột trong bảng “Tính tổng tiền thu nhập chịu thuế ước tính trong năm nay của bạn” của “Tờ khai khấu trừ cơ bản” và từng cột trong bảng “Tính tổng tiền thu nhập chịu thuế ước tính trong năm nay của vợ/chồng” của “Tờ khai khấu trừ cho vợ/chồng”. Ngoài ra, hãy điền số tổng của (1) và (2) sau đây vào cột “Tổng tiền thu nhập chịu thuế (ước tính) của người bên trái” trong cột “☆ Người thân phụ thuộc” của “Tờ khai khấu trừ điều chỉnh mức thu nhập”.

- ① **Thu nhập chịu thuế từ tiền lương**
- ① Tiền công, tiền lương, tiền thưởng (bao gồm cả người được trả lương làm việc bán thời gian, làm thêm) là thu nhập chịu thuế từ tiền lương.

② Nếu nhận lương từ 2 nơi trở lên, hãy điền cột “Số tiền thu nhập” và “Số tiền thu nhập chịu thuế” dựa trên tổng tiền lương nhận từ 2 nơi trở lên.

③ Trong cột “Số tiền thu nhập chịu thuế”, hãy điền số tiền thu nhập chịu thuế từ tiền lương theo [Phương pháp tính số tiền thu nhập chịu thuế từ tiền lương] sau đây. Ngoài ra, nếu có áp dụng khấu trừ chi phí đặc biệt hoặc khấu trừ điều chỉnh số tiền thu nhập chịu thuế, hãy khấu trừ các khoản đó vào số tiền thu nhập chịu thuế từ tiền lương đã tính.

※ Về việc tính khấu trừ điều chỉnh số tiền thu nhập chịu thuế, tham khảo [Phương pháp tính số tiền khấu trừ điều chỉnh số tiền thu nhập chịu thuế] sau đây.

※ Về việc tính khấu trừ chi phí đặc biệt, tham khảo phần giải đáp “Khấu trừ chi phí đặc biệt dành cho người có thu nhập chịu thuế từ tiền lương” trên trang web của Cơ quan Thuế Quốc gia NTA [https://www.nta.go.jp] (chỉ có tiếng Nhật)

[Phương pháp tính số tiền thu nhập chịu thuế từ tiền lương]
Số tiền thu nhập chịu thuế từ tiền lương là khoản tiền còn lại sau khi lấy số tiền thu nhập của tiền lương trừ đi số tiền khấu trừ thu nhập chịu thuế từ tiền lương và là số tiền được tính theo bảng sau.

Số tiền thu nhập của tiền lương (㊸)		Số tiền thu nhập chịu thuế từ tiền lương
Từ 1 yên trở lên	Từ 550.999 yên trở xuống	0 yên = Số tiền thu nhập chịu thuế
Từ 551.000 yên trở lên	Từ 1.618.999 yên trở xuống	(㊸) – 550.000 yên = Số tiền thu nhập chịu thuế
Từ 1.619.000 yên trở lên	Từ 1.619.999 yên trở xuống	1.069.000 yên = Số tiền thu nhập chịu thuế
Từ 1.620.000 yên trở lên	Từ 1.621.999 yên trở xuống	1.070.000 yên = Số tiền thu nhập chịu thuế
Từ 1.622.000 yên trở lên	Từ 1.623.999 yên trở xuống	1.072.000 yên = Số tiền thu nhập chịu thuế
Từ 1.624.000 yên trở lên	Từ 1.627.999 yên trở xuống	1.074.000 yên = Số tiền thu nhập chịu thuế
Từ 1.628.000 yên trở lên	Từ 1.799.999 yên trở xuống	①:(㊸)÷4 (làm tròn đến dưới 1.000 yên) = (㊸)⇒②:(㊸)×2,4 + 100.000 yên = Số tiền thu nhập chịu thuế
Từ 1.800.000 yên trở lên	Từ 3.599.999 yên trở xuống	①:(㊸)÷4 (làm tròn đến dưới 1.000 yên) = (㊸)⇒②:(㊸)×2,8 – 80.000 yên = Số tiền thu nhập chịu thuế
Từ 3.600.000 yên trở lên	Từ 6.599.999 yên trở xuống	①:(㊸)÷4 (làm tròn đến dưới 1.000 yên) = (㊸)⇒②:(㊸)×3,2 – 440.000 yên = Số tiền thu nhập chịu thuế
Từ 6.600.000 yên trở lên	Từ 8.499.999 yên trở xuống	(㊸)×90% – 1.100.000 yên = Số tiền thu nhập chịu thuế
Từ 8.500.000 yên trở lên		(㊸) – 1.950.000 yên = Số tiền thu nhập chịu thuế

[Phương pháp tính số tiền khấu trừ điều chỉnh số tiền thu nhập chịu thuế]
Trong trường hợp tương ứng với ① hoặc ② sau đây, từng số tiền khấu trừ điều chỉnh số tiền thu nhập chịu thuế đã được tính theo công thức ① hoặc ② dưới đây (nếu tương ứng với cả ① và ② thì lấy số tổng) sẽ được khấu trừ vào số tiền thu nhập chịu thuế từ tiền lương của năm.

※ Nếu phần lễ trong số tiền khấu trừ điều chỉnh số tiền thu nhập chịu thuế đã tính được dưới 1 yên, phần đó sẽ được làm tròn lên.

① Nếu số tiền thu nhập của tiền lương trong năm nay của bạn (tổng tiền lương từ 2 nơi trở lên) vượt quá 8.500.000 yên và rơi vào trường hợp(a),(b) hoặc (c) trong mục (3) của phần “3-1. Lưu ý khi điền thông tin tờ khai”

[Công thức]

(Số tiền thu nhập của tiền lương^(*) – 8.500.000 yên) × 10%

※ Nếu vượt quá 10.000.000 yên thì trừ 10.000.000 yên

② Nếu tổng của số tiền lương sau khi khấu trừ thu nhập chịu thuế từ tiền lương trong năm nay của bạn và số tiền thu nhập chịu thuế từ công việc khác liên quan đến trợ cấp công vượt quá 100.000 yên

[Công thức]

Số tiền lương sau khi khấu trừ thu nhập chịu thuế từ tiền lương^(*) + số tiền thu nhập chịu thuế từ công việc khác liên quan đến trợ cấp công^(*) – 100.000 yên

※ Nếu vượt quá 100.000 yên thì trừ 100.000 yên

② **Tổng tiền thu nhập ngoài thu nhập chịu thuế từ tiền lương**
Trong cột “Số tiền thu nhập chịu thuế”, hãy điền tổng tiền thu nhập khác ngoài thu nhập chịu thuế từ tiền lương. Ngoài ra, tổng tiền thu nhập khác ngoài thu nhập chịu thuế từ tiền lương này không bao gồm phần thu nhập chịu thuế nhất định mà bạn chọn không kê khai hoặc là nguồn thu nhập đã hoàn tất việc nộp thuế tại nguồn từ việc đánh thuế riêng tại nguồn. Để biết thêm thông tin, vui lòng tham khảo “Các loại thu nhập ngoài thu nhập chịu thuế từ tiền lương” được đăng cùng với mẫu này trên trang web của Cơ quan Thuế Quốc gia NTA [https://www.nta.go.jp].